

## **CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN AN PHÁT**

**Báo cáo tài chính  
cho kỳ kế toán từ ngày 01/ 01/2011 đến ngày 30/06/2011  
đã được soát xét**

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN AN PHÁT**

Tầng 8 tòa nhà Sun Red River,  
số 23 Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm, Thành Phố Hà Nội.

---

**NỘI DUNG**

	<b><u>Trang</u></b>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	02-03
BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT	04
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT	05-24
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	05-07
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	08
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	09-10
BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU	11
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	12-24

## **CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN AN PHÁT**

Tầng 8 tòa nhà Sun Red River,  
số 23 Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm, Thành Phố Hà Nội.

---

### **BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán An Phát (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01/ 01/2011 đến ngày 30/06/2011.

#### **CÔNG TY**

Công ty Cổ phần Chứng khoán An Phát thành lập và hoạt động theo Giấy phép thành lập và hoạt động kinh doanh Chứng khoán số 63/UBCK-GP do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 15/11/2007. Giấy phép điều chỉnh Giấy phép thành lập và hoạt động Công ty Chứng khoán số 03/GPĐC-UBCK ngày 14/01/2011.

Trụ sở chính của Công ty tại: Tầng 8 tòa nhà Sun Red River, số 23 Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm, Thành Phố Hà Nội..

#### **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT**

**Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:**

Bà Trần Kim Phương	Chủ tịch
Ông Nguyễn Cương	Phó Chủ tịch
Ông Lê Quốc Hùng	Ủy viên
Ông Trần Thiên Hà	Ủy viên
Ông Trịnh Trung Chính	Ủy viên

**Các thành viên của Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:**

Ông Trần Thiên Hà	Tổng Giám đốc
Ông Trần Việt Thắng	Phó Tổng Giám đốc

**Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:**

Bà Ngô Thị Ngát	Trưởng ban	
Bà Lê Thị Thùy Dương	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 03/04/2011
Ông Trần Thanh Tú	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 03/04/2011
Ông Phạm Nguyên Hoàng	Ủy viên	Miễn nhiệm ngày 03/04/2011
Bà Trần Văn Tuấn	Ủy viên	Miễn nhiệm ngày 03/04/2011

#### **KIỂM TOÁN VIÊN**

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán (AASC) đã thực hiện soát xét các Báo cáo tài chính cho Công ty.

## **CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN AN PHÁT**

Tầng 8 tòa nhà Sun Red River,  
số 23 Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm, Thành Phố Hà Nội.

---

### **CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 06 năm 2011, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán từ ngày 01/ 01/2011 đến ngày 30/06/2011, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

#### **Cam kết khác**

Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 09/2010/TT-BTC ngày 15/01/2010 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

*Hà Nội, ngày 14 tháng 07 năm 2011*

**TM. Ban Giám đốc**  
**Tổng Giám đốc**

**Trần Thiên Hà**

Số: /2011/BC.KTTC-AASC.KT2

**BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT**  
**Về Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ ngày 01/ 01/2011 đến ngày 30/06/2011**  
**của Công ty Cổ phần Chứng khoán An Phát**

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc**  
**Công ty Cổ phần Chứng khoán An Phát**

Chúng tôi đã thực hiện soát xét Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Chứng khoán An Phát được lập ngày 14 tháng 07 năm 2011, gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 06 năm 2011, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ ngày 01/ 01/2011 đến ngày 30/06/2011 được trình bày từ trang 05 đến trang 24 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo này căn cứ trên kết quả công tác soát xét của chúng tôi.

**Phạm vi soát xét**

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét báo cáo tài chính theo chuẩn mực kiểm toán Việt Nam về công tác soát xét. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng các báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; do đó công tác soát xét này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

**Những vấn đề giới hạn phạm vi công tác soát xét**

- Tại thời điểm 30/06/2011, Công ty chưa thực hiện trích lập dự phòng giảm giá đối với các khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết và chưa niêm yết. Do đó, chúng tôi không thể đưa ra ý kiến về khoản mục này cũng như ảnh hưởng của chúng đến Báo cáo tài chính.

- Tại thời điểm 30/06/2011, Công ty chưa thực hiện đánh giá giá trị tài sản đảm bảo và trích lập dự phòng đối với các khoản phải thu của hợp đồng Repo, Hợp đồng hợp tác kinh doanh với nhà đầu tư. Do đó, chúng tôi không thể đưa ra ý kiến về khoản mục này cũng như ảnh hưởng của chúng đến Báo cáo tài chính.

**Kết luận soát xét**

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu trên, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng các Báo cáo tài chính kèm theo đây không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Chứng khoán An Phát tại ngày 30 tháng 06 năm 2011, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán từ ngày 01/ 01/2011 đến ngày 30/06/2011, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

**Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính**  
**Kế toán và Kiểm toán (AASC)**

---

**Nguyễn Thanh Tùng**  
Phó Tổng Giám đốc  
Chứng chỉ Kiểm toán viên số: Đ0063/KTV

---

**Vũ Xuân Biển**  
Kiểm toán viên  
Chứng chỉ Kiểm toán viên số: 0743/KTV

*Hà Nội, ngày 26 tháng 07 năm 2011*

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2011

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	30/06/2011	01/01/2011
			VND	VND
<b>100</b>	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>132.191.178.666</b>	<b>132.046.532.830</b>
<b>110</b>	<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>4</b>	<b>774.893.297</b>	<b>3.316.854.778</b>
111	1. Tiền		774.893.297	506.854.778
112	2. Các khoản tương đương tiền		-	2.810.000.000
<b>120</b>	<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>5</b>	<b>33.430.530.258</b>	<b>26.090.241.981</b>
121	1. Đầu tư ngắn hạn		43.743.542.187	36.403.253.910
129	2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn (*)		(10.313.011.929)	(10.313.011.929)
<b>130</b>	<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>95.215.234.677</b>	<b>100.787.866.432</b>
131	1. Phải thu của khách hàng		10.625.140.000	10.625.140.000
132	2. Trả trước cho người bán		204.059.000	771.343.989
135	4. Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán	6	82.203.923.429	87.386.737.137
138	5. Các khoản phải thu khác	7	2.182.112.248	2.004.645.306
<b>150</b>	<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>2.770.520.434</b>	<b>1.851.569.639</b>
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		1.484.880.365	616.463.472
154	3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	8	1.251.270.075	1.218.925.167
154	4. Tài sản ngắn hạn khác		34.369.994	16.181.000
<b>200</b>	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>8.634.369.658</b>	<b>8.911.593.829</b>
<b>220</b>	<b>II. Tài sản cố định</b>		<b>4.987.962.028</b>	<b>6.064.472.324</b>
221	1. Tài sản cố định hữu hình	9	3.668.179.077	4.124.417.833
222	- Nguyên giá		5.894.946.262	6.058.092.912
223	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(2.226.767.185)	(1.933.675.079)
227	3. Tài sản cố định vô hình		1.319.782.951	1.560.054.491
228	- Nguyên giá		2.376.048.730	2.376.048.730
229	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(1.056.265.779)	(815.994.239)
230	4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		-	380.000.000
<b>250</b>	<b>IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>10</b>	<b>790.000.000</b>	<b>790.000.000</b>
258	4. Đầu tư dài hạn khác		790.000.000	790.000.000
<b>260</b>	<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>		<b>2.856.407.630</b>	<b>2.057.121.505</b>
261	1. Chi phí trả trước dài hạn		439.509.539	-
263	3. Tiền nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán	11	1.246.009.371	777.969.535
268	4. Tài sản dài hạn khác		1.170.888.720	1.279.151.970
<b>270</b>	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>140.825.548.324</b>	<b>140.958.126.659</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
**Tại ngày 30 tháng 06 năm 2011**  
**(tiếp theo)**

<b>Mã số</b>	<b>NGUỒN VỐN</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>30/06/2011</b> <b>VND</b>	<b>01/01/2011</b> <b>VND</b>
<b>300</b>	<b>A. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>6.573.243.838</b>	<b>4.529.396.804</b>
<b>310</b>	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>6.573.243.838</b>	<b>4.529.396.804</b>
311	1. Vay và nợ ngắn hạn	12	5.140.000.000	3.000.000.000
312	2. Phải trả người bán		-	68.431.006
313	3. Người mua trả tiền trước		50.000.000	50.000.000
314	4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	13	192.773.861	239.779.747
315	5. Phải trả người lao động		235.363.203	225.945.639
319	8. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	14	1.000.253.359	992.810.379
321	10. Phải trả hộ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu		2.423.382	-
323	12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		(47.569.967)	(47.569.967)
<b>400</b>	<b>B. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>134.252.304.486</b>	<b>136.428.729.855</b>
<b>410</b>	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>		<b>134.252.304.486</b>	<b>136.428.729.855</b>
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	15	135.289.000.000	135.000.000.000
417	7. Quỹ đầu tư phát triển		306.000.000	306.000.000
418	8. Quỹ dự phòng tài chính		445.000.000	445.000.000
420	10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		(1.787.695.514)	677.729.855
<b>440</b>	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>140.825.548.324</b>	<b>140.958.126.659</b>

## **CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

<b>Mã số</b>	<b>CHỈ TIÊU</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>30/06/2011</b> <b>VND</b>	<b>01/01/2011</b> <b>VND</b>
<b>006</b>	<b>6. Chứng khoán lưu ký</b>		<b>292.677.990.000</b>	<b>225.983.950.000</b>
007	6.1. Chứng khoán giao dịch		256.563.860.000	200.810.750.000
008	- Chứng khoán giao dịch của thành viên lưu ký		28.343.330.000	24.239.710.000
009	- Chứng khoán giao dịch của khách hàng trong nước		226.085.530.000	175.771.040.000
010	- Chứng khoán giao dịch của khách hàng nước ngoài		2.135.000.000	800.000.000
012	6.2. Chứng khoán tạm ngừng giao dịch		-	20.877.500.000
014	- Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của khách hàng trong nước		-	19.377.500.000
015	- Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của khách hàng nước ngoài		-	1.500.000.000
017	6.3. Chứng khoán cầm cố		30.540.000.000	-
019	- Chứng khoán cầm cố của khách hàng trong nước		30.540.000.000	-
027	6.5. Chứng khoán chờ thanh toán		5.413.700.000	4.295.700.000
029	- Chứng khoán chờ thanh toán của khách hàng trong nước		5.413.700.000	4.295.700.000
037	6.7. Chứng khoán chờ giao dịch		160.430.000	-
039	- Chứng khoán chờ giao dịch của khách hàng trong nước		160.430.000	-
<b>083</b>	<b>9. Chứng khoán chưa lưu ký của công ty chứng khoán</b>		<b>-</b>	<b>1.000.000.000</b>

Lập, ngày 14 tháng 07 năm 2011

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Lưu Quang Hình

Lê Văn Hảo

Trần Thiên Hà



**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  
 Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Từ 01/01/2011	Từ 01/01/2010
			đến 30/06/2011	đến 30/06/2010
			VND	VND
<b>01</b>	<b>1. Doanh thu</b>	<b>16</b>	<b>7.220.242.201</b>	<b>26.225.762.507</b>
01.1	Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán		1.004.793.676	7.907.765.859
01.2	Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn		1.194.763.898	6.375.469.280
01.4	Doanh thu đại lý phát hành chứng khoán		78.800.000	22.000.000
01.5	Doanh thu hoạt động tư vấn		(7.163.636)	-
01.6	Doanh thu lưu ký chứng khoán		-	750.000
01.9	Doanh thu khác		4.949.048.263	11.919.777.368
<b>10</b>	<b>3. Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh</b>		<b>7.220.242.201</b>	<b>26.225.762.507</b>
<b>11</b>	<b>4. Chi phí hoạt động kinh doanh</b>	<b>17</b>	<b>3.803.568.091</b>	<b>5.479.373.143</b>
<b>20</b>	<b>5. Lợi nhuận gộp của hoạt động kinh doanh</b>		<b>3.416.674.110</b>	<b>20.746.389.364</b>
25	6. Chi phí quản lý doanh nghiệp	18	5.813.042.218	5.706.324.408
<b>30</b>	<b>7. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>		<b>(2.396.368.108)</b>	<b>15.040.064.956</b>
31	8. Thu nhập khác		194.466.942	200.000
32	9. Chi phí khác		263.524.203	341.145.000
<b>40</b>	<b>10. Lợi nhuận khác</b>		<b>(69.057.261)</b>	<b>(340.945.000)</b>
<b>50</b>	<b>11. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>		<b>(2.465.425.369)</b>	<b>14.699.119.956</b>
51	12. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	19	-	3.425.689.239
<b>60</b>	<b>14. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>		<b>(2.465.425.369)</b>	<b>11.273.430.717</b>
<b>70</b>	<b>15. Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>20</b>	<b>(182)</b>	<b>835</b>

Lập, ngày 14 tháng 07 năm 2011

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Lưu Quang Hình

Lê Văn Hảo

Trần Thiên Hà

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN AN PHÁT**Tầng 8 tòa nhà Sun Red River,  
số 23 Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm, Thành Phố Hà Nội.**Báo cáo tài chính**

cho kỳ kế toán từ 01/01/2011 đến 30/06/2011

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ***(Theo phương pháp gián tiếp)*

Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Từ 01/01/2011	Từ 01/01/2010
			đến 30/06/2011	đến 30/06/2010
			VND	VND
	<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh chứng khoán</b>			
<b>01</b>	<b>1. Lợi nhuận trước thuế</b>		<b>(2.465.425.369)</b>	<b>14.699.119.956</b>
02	Khấu hao tài sản cố định		625.898.593	586.105.741
05	Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(616.880.465)	(11.681.711.774)
06	Chi phí lãi vay		611.844.832	772.400.755
<b>08</b>	<b>3. Lợi nhuận kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động</b>		<b>(1.844.562.409)</b>	<b>4.375.914.678</b>
09	Tăng, giảm các khoản phải thu		4.863.591.075	(33.137.601.621)
10	Tăng, giảm hàng tồn kho, chứng khoán đầu tư		(7.340.288.277)	(4.801.940.317)
11	Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		(560.158.772)	(1.526.655.104)
12	Tăng, giảm chi phí trả trước		(1.307.926.432)	331.653.590
13	Tiền lãi vay đã trả		(611.844.832)	(772.400.755)
14	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(32.344.908)	(1.111.780.759)
15	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		108.263.250	-
16	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(573.777.676)	(6.992.811.512)
<b>20</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh chứng khoán</b>		<b>(7.299.048.981)</b>	<b>(43.635.621.800)</b>
	<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(192.912.500)	(1.088.247.858)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		2.810.000.000	38.000.000.000
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		-	11.681.711.774
<b>30</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>		<b>2.617.087.500</b>	<b>48.593.463.916</b>
	<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
33	3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được		39.112.386.700	80.412.000.000
34	4. Tiền chi trả nợ gốc vay		(36.972.386.700)	(82.312.000.000)
<b>40</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>		<b>2.140.000.000</b>	<b>(1.900.000.000)</b>
<b>50</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>		<b>(2.541.961.481)</b>	<b>3.057.842.116</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN AN PHÁT**

Tầng 8 tòa nhà Sun Red River,  
số 23 Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm, Thành Phố Hà Nội.

**Báo cáo tài chính**

cho kỳ kế toán từ 01/01/2011 đến 30/06/2011

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ***(Theo phương pháp gián tiếp)*

Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Từ 01/01/2011	Từ 01/01/2010
			đến 30/06/2011	đến 30/06/2010
			VND	VND
60	Tiền và các khoản tương đương tiền tồn đầu kỳ		3.316.854.778	16.371.004.161
70	Tiền và các khoản tương đương tiền tồn cuối kỳ	4	<u>774.893.297</u>	<u>19.428.846.277</u>

Lập, ngày 14 tháng 07 năm 2011

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Lưu Quang Hình

Lê Văn Hảo

Trần Thiên Hà

## BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU

Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011

Thuyết minh	Đầu kỳ		Tăng		Giảm		Cuối kỳ	
	Kỳ trước	Kỳ này	Kỳ trước	Kỳ này	Kỳ trước	Kỳ này	Kỳ trước	Kỳ này
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu (*)	135.000.000.000	135.000.000.000	-	289.000.000	-	-	135.000.000.000	135.289.000.000
Quỹ đầu tư phát triển	-	306.000.000	306.000.000	-	-	-	306.000.000	306.000.000
Quỹ dự phòng tài chính	881.499.995	445.000.000	-	-	(436.499.995)	-	445.000.000	445.000.000
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	8.145.791.882	677.729.855	11.273.430.717	-	(7.579.500.005)	(2.465.425.369)	11.839.722.594	(1.787.695.514)
<b>CỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>144.027.291.877</b>	<b>136.428.729.855</b>	<b>11.579.430.717</b>	<b>289.000.000</b>	<b>(8.016.000.000)</b>	<b>(2.465.425.369)</b>	<b>147.590.722.594</b>	<b>134.252.304.486</b>

Người lập

Kế toán trưởng

Lập, ngày 14 tháng 07 năm 2011

Tổng Giám đốc

Lưu Quang Hình

Lê Văn Hào

Trần Thiên Hà

## CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN AN PHÁT

Tầng 8 tòa nhà Sun Red River,  
số 23 Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm, Thành Phố Hà Nội.

**Báo cáo tài chính**

cho kỳ kế toán từ 01/01/2011 đến 30/06/2011

# BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011

## 1 . THÔNG TIN CHUNG

### Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Chứng khoán An Phát thành lập và hoạt động theo Giấy phép thành lập và hoạt động kinh doanh Chứng khoán số 63/UBCK-GP do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 15/11/2007. Giấy phép điều chỉnh Giấy phép thành lập và hoạt động Công ty Chứng khoán số 03/GPĐC-UBCK ngày 14/01/2011.

Trụ sở chính của Công ty tại: Tầng 8 tòa nhà Sun Red River, số 23 Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm, Thành Phố Hà Nội..

Vốn điều lệ của Công ty là: 135.289.000.000 VND (Một trăm ba mươi năm tỷ, hai trăm tám mươi chín triệu đồng chẵn). Tương đương 13.528.900 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 VND.

### Công ty có Chi nhánh sau:

<u>Tên Chi nhánh</u>	<u>Địa chỉ</u>
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Chứng khoán An Phát tại Thành Phố Hồ Chí Minh	Số 13 Cao Thắng, Quận 3, Thành Phố Hồ Chí Minh

### Ngành nghề kinh doanh của Công ty là:

- Môi giới chứng khoán;
- Tự doanh chứng khoán;
- Tư vấn đầu tư chứng khoán;
- Lưu ký chứng khoán.

## 2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

### Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

### Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

#### *Chế độ kế toán áp dụng*

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 03 năm 2006 đã được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008 của Bộ Tài chính về việc Hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán đã được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư 162/2010/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2010 của Bộ Tài chính.

## CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN AN PHÁT

Tầng 8 tòa nhà Sun Red River,  
số 23 Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm, Thành Phố Hà Nội.

## Báo cáo tài chính

cho kỳ kế toán từ 01/01/2011 đến 30/06/2011

### *Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán*

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

### *Hình thức kế toán áp dụng*

Công ty áp dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.

### **Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian đáo hạn không quá 03 tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

### **Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu được trình bày trên Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác sau khi trừ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản nợ phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho từng khoản phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

### **Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang: chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo từng công trình chưa hoàn thành hoặc chưa ghi nhận doanh thu.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

### **Tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định**

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Máy móc, thiết bị	02 - 08 năm
- Phương tiện vận tải	10 năm
- Thiết bị văn phòng	04 - 06 năm
- Phần mềm quản lý	02 - 08 năm

**Bất động sản đầu tư**

Bất động sản đầu tư được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình nắm giữ chờ tăng giá, hoặc cho thuê hoạt động, bất động sản đầu tư được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Bất động sản đầu tư được tính, trích khấu hao như tài sản cố định khác của Công ty.

**Chứng khoán đầu tư**

Chứng khoán đầu tư được ghi nhận theo giá gốc. Cổ tức và trái tức nhận được trong năm tài chính được ghi nhận giảm giá vốn chứng khoán đối với khoản lãi dồn tích trước ngày mua và ghi nhận tăng doanh thu đầu tư đối với phần lãi kê từ ngày mua.

Công ty áp dụng phương pháp bình quân gia quyền di động để tính giá vốn cổ phiếu bán ra và phương pháp đích danh để tính giá vốn trái phiếu bán ra.

**Chứng khoán mua bán theo hợp đồng mua/ bán lại**

Những tài sản được mua đồng thời cam kết sẽ bán lại vào một thời điểm nhất định trong tương lai (các hợp đồng bán lại) không được ghi tăng trên báo cáo tài chính. Khoản tiền thanh toán theo các hợp đồng bán lại này được ghi nhận là tài sản trên bảng cân đối kế toán và phần chênh lệch giữa giá mua và giá cam kết bán lại được ghi nhận là doanh thu, hoặc khoản phải trả, chờ kết chuyển và được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong suốt thời gian hiệu lực của hợp đồng bán lại.

Những tài sản được bán đồng thời cam kết sẽ mua lại vào một thời điểm nhất định trong tương lai (các hợp đồng mua lại) không được ghi giảm trên báo cáo tài chính. Khoản tiền nhận được theo các hợp đồng mua lại này được ghi nhận là khoản nợ phải trả trên bảng cân đối kế toán và phần chênh lệch giữa giá bán và giá cam kết mua lại trong tương lai được ghi nhận là tài sản, hoặc chi phí, chờ kết chuyển và được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong suốt thời gian hiệu lực của hợp đồng mua lại.

**Các khoản đầu tư tài chính**

Các khoản đầu tư tài chính tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là "trương đương tiền";
- Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 năm hoặc trong 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn;
- Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 năm hoặc hơn 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn.

**Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn, dài hạn**

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng.

**Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

**Chi phí trả trước**

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh của một năm tài chính hoặc một chu kỳ kinh doanh được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Các chi phí đã phát sinh trong năm tài chính nhưng liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều niên độ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các niên độ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

**Vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm Thặng dư vốn cổ phần.

Vốn khác của chủ sở hữu được ghi theo giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản mà doanh nghiệp được các tổ chức, cá nhân khác tặng, biếu sau khi trừ (-) các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản được tặng, biếu này; và khoản bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và sau đó mua lại. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế và trình bày trên Bảng Cân đối kế toán là một khoản ghi giảm vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận các khoản lãi (lỗ) khi mua, bán, phát hành hoặc hủy cổ phiếu quỹ

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Hội đồng quản trị phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty.



**Ghi nhận doanh thu**

*Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

*Doanh thu về vốn kinh doanh, cổ tức và lợi nhuận được chia*

Thu nhập phát sinh từ tiền lãi được ghi nhận trên Báo cáo kết quả kinh doanh trên cơ sở dồn tích.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

**Các khoản thuế**

*Thuế hiện hành*

Tài sản thuế và các khoản thuế phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN AN PHÁT**Tầng 8 tòa nhà Sun Red River,  
số 23 Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm, Thành Phố Hà Nội.**Báo cáo tài chính**

cho kỳ kế toán từ 01/01/2011 đến 30/06/2011

**3 . GIÁ TRỊ KHỐI LƯỢNG GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN THỰC HIỆN TRONG NĂM**

	Khối lượng giao dịch chứng khoán thực hiện trong kỳ	Giá trị khối lượng giao dịch chứng khoán thực hiện trong kỳ VND
<b>Của Công ty Chứng khoán</b>	<b>2.105.030</b>	<b>39.977.015.000</b>
- Cổ phiếu	2.105.030	39.977.015.000
<b>Của người đầu tư</b>	<b>37.063.300</b>	<b>491.350.890.000</b>
- Cổ phiếu	37.063.300	491.350.890.000
	<b>39.168.330</b>	<b>531.327.905.000</b>

**4 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	30/06/2011	01/01/2011
	VND	VND
<b>Tiền</b>	<b>774.893.297</b>	<b>506.854.778</b>
- Tiền mặt tại quỹ	1.181.751	13.588.390
- Tiền gửi ngân hàng	62.215.797	69.630.998
- Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán	711.495.749	423.635.390
<b>Các khoản tương đương tiền</b>	-	<b>2.810.000.000</b>
- Các khoản tương đương tiền khác	-	2.810.000.000
	<b>774.893.297</b>	<b>3.316.854.778</b>

**5 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN**

	30/06/2011	01/01/2011
	VND	VND
<b>Chứng khoán thương mại</b>	<b>41.461.542.187</b>	<b>34.121.253.910</b>
- Chứng khoán niêm yết	41.461.542.187	31.183.713.910
- Chứng khoán chưa niêm yết	-	2.937.540.000
<b>Đầu tư ngắn hạn khác</b>	<b>2.282.000.000</b>	<b>2.282.000.000</b>
- Đầu tư ngắn hạn khác	2.282.000.000	2.282.000.000
<b>Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn</b>	<b>(10.313.011.929)</b>	<b>(10.313.011.929)</b>
	<b>33.430.530.258</b>	<b>26.090.241.981</b>

**6 . PHẢI THU HOẠT ĐỘNG GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN**

	30/06/2011	01/01/2011
	VND	VND
Phải thu tiền vay tạm ứng bán chứng khoán	426.900.000	3.248.300.000
Phải thu tiền vay cầm cố chứng khoán	-	516.000.000
Phải thu tiền theo hợp đồng hợp tác kinh doanh	81.730.864.452	83.573.445.351
Phải thu khác	46.158.977	48.991.786
	<b>82.203.923.429</b>	<b>87.386.737.137</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN AN PHÁT**Tầng 8 tòa nhà Sun Red River,  
số 23 Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm, Thành Phố Hà Nội.**Báo cáo tài chính**

cho kỳ kế toán từ 01/01/2011 đến 30/06/2011

**7 . CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC**

	<u>30/06/2011</u>	<u>01/01/2011</u>
	VND	VND
Phải thu từ thanh lý tài sản cố định	190.466.942	-
Phải thu tiền gốc các hợp đồng Repo	1.789.874.500	1.789.874.500
Phải thu khác	201.770.806	214.770.806
	<b><u>2.182.112.248</u></b>	<b><u>2.004.645.306</u></b>

**8 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU NHÀ NƯỚC**

	<u>30/06/2011</u>	<u>01/01/2011</u>
	VND	VND
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	1.251.270.075	1.218.925.167
	<b><u>1.251.270.075</u></b>	<b><u>1.218.925.167</u></b>

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN AN PHÁT**

Tầng 8 tòa nhà Sun Red River,  
số 23 Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm, Thành Phố Hà Nội.

**Báo cáo tài chính**

cho kỳ kế toán từ 01/01/2011 đến 30/06/2011

---

**9 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN AN PHÁT**Tầng 8 tòa nhà Sun Red River,  
số 23 Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm, Thành Phố Hà Nội.**Báo cáo tài chính**

cho kỳ kế toán từ 01/01/2011 đến 30/06/2011

**Tình hình đầu tư tài sản cố định và trang thiết bị**

Vốn điều lệ tính đến ngày 30/06/2011	Tài sản cố định và trang thiết bị		Tỷ lệ tài sản cố định và trang thiết bị so với Vốn điều lệ
	Chỉ tiêu	Giá trị (VND)	
135.289.000.000	Nguyên giá	8.270.994.992	0,06
	Khấu hao	(3.283.032.964)	
	Giá trị còn lại	4.987.962.028	0,04

Giá trị bất động sản đầu tư là khoản tiền Công ty đã thanh toán cho hợp đồng mua lại khu đất tại số 10 Đường Hoàng Diệu, Thành phố Hải Phòng, bao gồm giá trị quyền sử dụng đất và móng nhà 15 tầng, giá trị thanh toán (không bao gồm thuế giá trị gia tăng) đến thời điểm 30/06/2011 là 22.284.683.636 VND.

**10 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN**

	30/06/2011	01/01/2011
	VND	VND
Đầu tư dài hạn khác	790.000.000	790.000.000
	<b>790.000.000</b>	<b>790.000.000</b>

*Chi tiết đầu tư dài hạn khác*

	30/06/2011	01/01/2011
	VND	VND
Trái phiếu chuyển đổi nhà Thủ Đức	340.000.000	340.000.000
Công ty CP Đầu Tư Sức Khỏe Việt	450.000.000	450.000.000
	<b>790.000.000</b>	<b>790.000.000</b>

Do không có cơ sở xác định giá giao dịch tại ngày 30/06/2011, vì vậy Công ty không thực hiện việc trích lập dự phòng đối với các khoản đầu tư vào cổ phiếu chưa niêm yết.

**11 . TIỀN NỢ QUỸ HỖ TRỢ THANH TOÁN**

	30/06/2011	01/01/2011
	VND	VND
Tiền nộp ban đầu	120.000.000	120.000.000
Tiền nộp bổ sung	1.061.385.014	630.443.744
Tiền lãi phân bổ trong kỳ	64.624.357	27.525.791
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>1.246.009.371</b>	<b>777.969.535</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN AN PHÁT**Tầng 8 tòa nhà Sun Red River,  
số 23 Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm, Thành Phố Hà Nội.**Báo cáo tài chính**

cho kỳ kế toán từ 01/01/2011 đến 30/06/2011

**12 . VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN**

	<u>30/06/2011</u>	<u>01/01/2011</u>
	VND	VND
<b>Vay ngắn hạn</b>	<b>5.140.000.000</b>	<b>3.000.000.000</b>
- Vay cá nhân	5.140.000.000	3.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b><u>5.140.000.000</u></b>	<b><u>3.000.000.000</u></b>
<b>Chi tiết các khoản vay cá nhân:</b>	<u>30/06/2011</u>	<u>01/01/2011</u>
	VND	VND
- Nguyễn Ngọc Hạnh (1)	1.000.000.000	-
- Lê Văn Hào (2)	1.140.000.000	-
- Trần Kim Phương (3)	3.000.000.000	-
- Trần Thiên Hà	-	3.000.000.000
	<b><u>5.140.000.000</u></b>	<b><u>3.000.000.000</u></b>

**Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay ngắn hạn:**

- (1) Vay theo hợp đồng vay ngày 10/06/2011, với nội dung như sau:
- + Số tiền vay là 1.000.000.000 đồng;
  - + Thời hạn vay: từ 10/06/2011 đến 10/07/2011;
  - + Lãi suất cho vay: 23,20 %/năm;
  - + Các hình thức bảo đảm tiền vay: không có tài sản đảm bảo.
- (2) Vay theo hợp đồng vay ngày 16/06/2011 và hợp đồng vay ngày 20/06/2011, với nội dung như sau:
- + Số tiền vay là 1.140.000.000 đồng;
  - + Thời hạn vay: 1 tháng;
  - + Lãi suất cho vay: 23,20 %/năm;
  - + Các hình thức bảo đảm tiền vay: không có tài sản đảm bảo.
- (3) Vay theo hợp đồng vay ngày 10/06/2011, với nội dung như sau:
- + Số tiền vay là 1.000.000.000 đồng;
  - + Thời hạn vay: từ 10/06/2011 đến 10/07/2011;
  - + Lãi suất cho vay: 20%/năm;
  - + Các hình thức bảo đảm tiền vay: không có tài sản đảm bảo.

**13 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	<u>30/06/2011</u>	<u>01/01/2011</u>
	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	37.382.686	-
Thuế Thu nhập cá nhân	59.595.813	239.779.747
Các loại thuế khác	95.795.362	-
	<b><u>192.773.861</u></b>	<b><u>239.779.747</u></b>

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN AN PHÁT**Tầng 8 tòa nhà Sun Red River,  
số 23 Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm, Thành Phố Hà Nội.**Báo cáo tài chính**

cho kỳ kế toán từ 01/01/2011 đến 30/06/2011

**14 . CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỢ NGẮN HẠN KHÁC**

	<u>30/06/2011</u>	<u>01/01/2011</u>
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	28.202.220	16.588.220
Bảo hiểm xã hội	20.278.062	-
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	711.495.749	423.635.390
Phải trả tiền lương kinh doanh và tiền phép	-	58.329.431
Phải trả cổ tức cho cổ đông	31.300.000	31.300.000
Phải trả về quyền mua cổ phiếu phát hành thêm của khách hàng	-	289.000.000
Các khoản phải trả, phải nộp khác	208.977.328	173.957.338
	<b><u>1.000.253.359</u></b>	<b><u>992.810.379</u></b>

**15 . VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU****a) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	135.289.000.000	135.000.000.000
- <i>Vốn góp đầu kỳ</i>	<i>135.000.000.000</i>	<i>135.000.000.000</i>
- <i>Vốn góp tăng trong kỳ</i>	<i>289.000.000</i>	-
- <i>Vốn góp cuối kỳ</i>	<i>135.289.000.000</i>	<i>135.000.000.000</i>
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	6.750.000.000
- <i>Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận kỳ trước</i>	-	<i>6.750.000.000</i>

**b) Cổ phiếu**

	<u>Cuối kỳ</u>	<u>Đầu kỳ</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	13.528.900	13.500.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	13.528.900	13.500.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>13.528.900</i>	<i>13.500.000</i>
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	13.528.900	13.500.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>13.528.900</i>	<i>13.500.000</i>
Mệnh giá cổ phiếu đã lưu hành (VND)	10.000	10.000

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN AN PHÁT**Tầng 8 tòa nhà Sun Red River,  
số 23 Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm, Thành Phố Hà Nội.**Báo cáo tài chính**

cho kỳ kế toán từ 01/01/2011 đến 30/06/2011

**16 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG KINH DOANH CHỨNG KHOÁN**

	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011	Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010
	VND	VND
<b>Doanh thu hoạt động kinh doanh chứng khoán</b>	<b>7.220.242.201</b>	<b>26.225.762.507</b>
Trong đó:		
- Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán	1.004.793.676	7.907.765.859
- Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn	1.194.763.898	6.375.469.280
- Doanh thu đại lý phát hành chứng khoán	71.636.364	22.000.000
- Doanh thu lưu ký chứng khoán	-	750.000
- Doanh thu khác	4.949.048.263	11.919.777.368
<b>Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh</b>	<b>7.220.242.201</b>	<b>26.225.762.507</b>

**17 . CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH CHỨNG KHOÁN**

	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011	Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010
	VND	VND
Chi phí hoạt động môi giới chứng khoán	62.491.273	421.316.149
Chi phí hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn	1.979.651.071	1.772.186.963
Chi phí khác	611.844.832	897.900.755
Chi phí trực tiếp chung	1.149.580.915	2.387.969.276
- Chi phí nhân viên	-	184.293.569
- Chi phí vật liệu, công cụ dụng cụ	59.896.792	142.122.731
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.089.684.123	2.061.552.976
	<b>3.803.568.091</b>	<b>5.479.373.143</b>

**18 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011	Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010
	VND	VND
Chi phí nhân viên quản lý	1.937.115.198	2.184.334.967
Chi phí vật liệu, công cụ dụng cụ	222.899.524	701.633.140
Chi phí khấu hao tài sản cố định	625.898.593	586.105.735
Thuế, phí và lệ phí	-	1.201.137.086
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.639.605.293	768.247.362
Chi phí khác bằng tiền	387.523.610	264.866.118
	<b>5.813.042.218</b>	<b>5.706.324.408</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN AN PHÁT**

Tầng 8 tòa nhà Sun Red River,  
số 23 Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm, Thành Phố Hà Nội.

**Báo cáo tài chính**

cho kỳ kế toán từ 01/01/2011 đến 30/06/2011

**19 . THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP****Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011	Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(2.465.425.369)	14.699.119.956
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp	(394.918.200)	(996.363.000)
- Các khoản điều chỉnh tăng	-	341.145.000
- Các khoản điều chỉnh giảm (cổ tức, lợi nhuận được chia)	(394.918.200)	(1.337.508.000)
Tổng thu nhập chịu thuế	(2.860.343.569)	13.702.756.956
Thu nhập tính thuế	(2.860.343.569)	13.702.756.956
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp (*)	25%	25%
Chi phí thuế Thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	-	3.425.689.239
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>-</b>	<b>3.425.689.239</b>

**20 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau :

	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011	Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010
	VND	VND
Tổng lợi nhuận sau thuế	(2.465.425.369)	11.273.430.717
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	(2.465.425.369)	11.273.430.717
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	13.526.813	13.500.000
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>(182)</b>	<b>835</b>

**21 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM**

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

**22 . SỐ LIỆU SO SÁNH**

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ 01/01/2010 đến 30/06/2010, đã được Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán (AASC) kiểm toán.

Lập, ngày 14 tháng 07 năm 2011

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Lưu Quang Hình

Lê Văn Hảo

Trần Thiên Hà

**9 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH VÀ TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định vô hình (Phần mềm giao dịch, kế toán)	<b>Cộng</b>
	VND	VND	VND	VND	VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>					
<b>Số dư đầu kỳ</b>	<b>4.759.829.926</b>	<b>1.118.800.000</b>	<b>179.462.986</b>	<b>2.376.048.730</b>	<b>8.434.141.642</b>
<b>Số tăng trong kỳ</b>	<b>192.912.500</b>	-	-	-	<b>192.912.500</b>
- Mua sắm mới	192.912.500	-	-	-	192.912.500
<b>Số giảm trong kỳ</b>	<b>(356.059.150)</b>	-	-	-	<b>(356.059.150)</b>
- Thanh lý, nhượng bán	(356.059.150)	-	-	-	(356.059.150)
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>4.596.683.276</b>	<b>1.118.800.000</b>	<b>179.462.986</b>	<b>2.376.048.730</b>	<b>8.270.994.992</b>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>					
<b>Số dư đầu kỳ</b>	<b>1.472.328.976</b>	<b>396.241.667</b>	<b>65.104.436</b>	<b>815.994.239</b>	<b>2.749.669.318</b>
<b>Số tăng trong kỳ</b>	<b>308.425.363</b>	<b>69.925.000</b>	<b>7.276.690</b>	<b>240.271.540</b>	<b>625.898.593</b>
- Trích khấu hao	308.425.363	69.925.000	7.276.690	240.271.540	625.898.593
<b>Số giảm trong kỳ</b>	<b>(92.534.947)</b>	-	-	-	<b>(92.534.947)</b>
- Thanh lý, nhượng bán	(92.534.947)	-	-	-	(92.534.947)
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>1.688.219.392</b>	<b>466.166.667</b>	<b>72.381.126</b>	<b>1.056.265.779</b>	<b>3.283.032.964</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>					
<b>Đầu kỳ</b>	<b>3.287.500.950</b>	<b>722.558.333</b>	<b>114.358.550</b>	<b>1.560.054.491</b>	<b>5.684.472.324</b>
<b>Cuối kỳ</b>	<b>2.908.463.884</b>	<b>652.633.333</b>	<b>107.081.860</b>	<b>1.319.782.951</b>	<b>4.987.962.028</b>